

<http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&News=6125&CategoryID=42>

Lê Vĩnh Trường (Quỹ Nghiên cứu Biển Đông)

19/1/2013 Trường niệm m Hoàng Sa 39 năm

1- Văn hóa hi:

Văn hóa hi đã được bàn thảo nhiều dưới góc độ kinh tế, văn hóa và xã hội nói chung. Số vốn của loài người này có lẽ rất cũng sẽ tiếp tục được nghiên cứu để hình thành nên một phần số vốn của công đồng, số vốn mà mỗi cá nhân gia, dân tộc. Các chuyên gia về văn hóa hi xác định rằng loài người này là một sự kết hợp giữa văn hóa, lối sống, tiếp xúc, các mối quan hệ và sự cộng đồng như thế giới của một công đồng học như công đồng chia sẻ chung một sự giá trị.

Có thể tham khảo định nghĩa sau của Cohen và Prusak (2001): “*Văn hóa hi bao gồm phần lớn những tập tác xây dựng giữa những con người và nhau: Sự tin tưởng, sự hiểu biết lẫn nhau, và sự chia sẻ những giá trị đạo đức, phong cách nói chuyện thành viên trong các tập đoàn, các công đồng người và nhau làm cho việc phối hợp hành động có khả năng thực hiện được*”.

Văn hóa hi được Francis Fukuyama đánh giá rất cao trong phát triển kinh tế và thế giới [1]. Trường về văn hóa hi Việt Nam bao hàm lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết công đồng, lòng ý giúp đỡ nhau, vượt khó, hiểu nhau, tình người và cộng đồng thói quen không hận là tất... Để vì Việt Nam, người về văn hóa hi và những thành, cộng đồng chia sẻ và cộng sự thôi thúc để hành động cộng thể vì văn minh Biển Đông, Hoàng Sa, Trường Sa (BĐHSTS) là một thành phần của tổng văn minh. Việc quan tâm, nghiên cứu và góp sức cho giới quy định những văn minh của BĐHSTS ở Việt Nam và thế giới đang diễn ra liên tục. Có lẽ chưa bao giờ các cuộc hội thảo, cuộc văn minh ngoài giao, việc bàn luận từ nhà ra phố, từ phòng hội nghị đến trường học vì BĐHSTS hoặc về BĐHSTS lại nhiều như những năm gần đây. Thậm chí một đề tài chi tiết tranh tại Trung Quốc đến vùng nước này đã

làm cho tình hình nguy hiểm của Trung Đông và các vùng xung đột khác trở nên phức tạp.

2- Các nhóm nghiên cứu và tìm hiểu về vấn đề Biển Đông

Ngay từ vấn đề xã hội BĐHSTS của Việt Nam bao gồm các mối quan tâm của người dân Việt Nam và người quốc tế trong và ngoài nước ở Biển Đông, nhằm hành động vì công lý và hòa bình, và trui rèn ý chí thi công lý cho Biển Đông. Trước sự phức tạp của công nhận và liên lạc của Trung Quốc, ngay từ vấn đề này là rõ ràng đối với người dân Việt Nam, người dân khác nhau. Ngay từ vấn đề quan trọng này bao gồm tình dân tộc nghĩa đồng bào, tình nhân loại trong sự tôn trọng pháp luật quốc gia và quốc tế và những yếu tố khác nhau. Ngay từ vấn đề này về có một thế hệ xuyên trên các dân tộc, trong các bài viết, khi tìm kiếm lúc trào dâng, khi các thành phố và những vùng ven biển Việt Nam, lúc các thành phố ASEAN và các nước khác, có những lúc bị ngăn cản những không gì có thể kiếm thêm ngay từ vấn đề này lan tỏa, dù lúc này lúc minh.

a- Các chuyên gia, nhà nghiên cứu, chính khách tại các viện, trường,

quan, đơn vị ngoại giao và tham chính trong nước hiện đang tập trung cho giải quyết công quyền là bộ phận quan trọng bậc nhất trong việc tìm kiếm giải pháp về BĐHSTS cho VN. Trong quá trình có được các hội thảo, trao đổi và tiếp xúc các giải pháp rõ ràng hơn từ các mối bên khác, kiến thức của giải pháp này nếu có sự giao thoa đúng mức với mối quan hệ Việt nói chung và vấn đề này, thì sự là một dòng vấn đề xã hội minh bạch đóng góp vào quá trình gìn giữ BĐHSTS cho Việt Nam. *Bên cạnh đó, vấn đề xã hội và Biển Đông nếu như sinh ra do thì cần chăm chút sự minh bạch ngay từ đầu các loại vấn đề xã hội khác.* Ví dụ như sự thay đổi tiếp theo ngày càng tăng sự làm nên lòng những người dám đứng ra bảo vệ công lý.

b- Những nhà nghiên cứu nước ngoài cũng có những người khác nhìn cách nhìn

công việc đi đầu kiến thiết khách quan hơn, khả năng tiếp cận các giải pháp, giải pháp làm chính sách, ngoại giao, kết nối ngoại giao công chúng không thua chuyên gia trong nước. Những người nghiên cứu này cũng có khả năng tiếp cận giải pháp nghiên cứu nước ngoài về BĐHSTS và là cầu nối cho các chuyên gia trong nước ra ngoài về vấn đề BĐHSTS.

c- Ngoài ra, **những nhà nghiên cứu nghiệp dư** hiện đang làm việc trong và ngoài nước cũng có thể

đóng góp những kiến thức, ý tưởng cho các quy sách về BĐHSTS để với nhà nước và góp phần vào hiệu suất chung của xã hội và viên chức không được tiếp cận thu đáo này.

Những nhà nghiên cứu nghiệp dư thường làm việc đơn lẻ, ít được nghiệp và khả năng thu thập tài liệu là có hạn, công việc sơ tễ chắc có thể không cao. Ngoài ra khả năng tiếp cận các hội thảo trao đổi học thuật trong và ngoài nước không nhiều do tính chất công việc và nghề nghiệp. Chắc nói đến nguần nhân viên tinh thần còn hạn chế.

d- Số lượng những học bao gồm viên xã hội của số hiệu suất và công nhân về BĐHSTS không thể

thiếu các giới trong quân ngũ, các lực lượng đang trực tiếp và gián tiếp bảo vệ các loại biên giới và hiệu suất của đất nước. Sĩ khí của những lực lượng này và những kết quả tinh thần của họ với các chức vụ khác nhau giai đoạn đất nước này của đất nước chắc chắn tác động đến nhiều giới trong và ngoài nước.

e- Những thành tựu của chính sách để ngoài do các tác giả của chủ

nghĩa hiện thực tâm cần đến đã nêu [\[2\]](#), **quản lý và quản chúng nhân dân (thông dân)** là những người có kiến thức tiếp học pháp, học hiện và học đạo lý thông qua quy trình mua sắm, kinh doanh, đầu tư, nộp thuế, kiến nghị, biểu tình... Những quy trình của thông dân là đa chiều lên mặt mặt đất xã hội và cần được trân trọng lắng nghe. Thông dân với tinh thần yêu nước, chịu thông chịu khó, lam lũ và có ít hiểu biết tiếp cận thông tin thông nghiên cứu cũng với là để tiếp nhận với là nguần lực của mối quan tâm về BĐHSTS. Những người dân bám biển chân chất và có xác tín (yêu cầu cần bản của viên xã hội) về biển đảo, biên giới, lãnh thổ do họ kết quả vùng đánh cá các thế hệ trước cùng các giá trị tinh thần, tâm linh ngàn xưa truyền lại. Những nhân chứng khốc khổ, chân thật tại các vùng biển như Lý Sơn, Sơn Tửnh, Mũi Đúc... là những người làm nghề cá bình thường những học cũng là những chuyên gia về luồn lách, học nghề gió, cách thức ứng xử khi gặp

tàu giặc tại Hoàng Sa. Đó là một đồng nghiệp số c m nh m m, về nhân xã hội đáng quý. Ngoài nghề dân, nghề nghiệp của lao động bình thường người mà người luôn đóng góp nhiều trong lúc đất nước nguy cấp, thời khắc nguy cấp của chúng ta đáng khi qua cơn chiến tranh, song họ luôn là chủ nhân xã hội lớn nhất vì chính họ là nguồn của nghề nghiệp về nhân xã hội mai sau, mà người giỏi.

Thường dân là thành tố thực nghiệp kinh tế của BĐHSTS và quan trọng hơn hết, họ chính là thành phần thúc đẩy các kinh tế về vấn đề quan trọng liên quan đến vùng của đất nước bao gồm cả về vấn đề BĐHSTS, đó tác động đến ý thức và ý chí của các giới khác trong vấn đề này.

f- Ngoài ra, kinh tế, hiểu biết và sự cảm nhận nhiều chi (mang

đặc tính về nhân xã hội) để về **ngiên cứu và truy vấn thông tin trong số thực tế của các** bên liên quan BĐHSTS như của Trung Quốc, Philippines, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và các nước khác cũng chính là về nhân xã hội VN liên quan BĐHSTS. Nghề nghiệp hiểu biết này cần thiết không chỉ trên mặt trận ngoại giao hay quân sự mà thôi mà đó chính là nghề nghiệp bổ sung cho về nhân xã hội VN. Với một biển Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam nghề nghiệp không lên tiếng như đội về Senkaku số là một đề tài cho nghề nghiệp nghiên cứu và chủ nhân xã hội BĐHSTS.

g- Nói đến về nhân lý lẽ nói đến thực trạng, nguồn về nhân xã hội còn

manh mún của người nghiên cứu và quan tâm đến BĐHSTS số có đất đồng võ tại đâu? Về nhân lý lẽ sinh ra sự phân và phân phân về công đồng. Về nhân tố, người tạo sự phân thì xã hội đồng công nghiệp và nghiệp của. Theo chúng tôi, người cần đến nguồn về nhân xã hội của người nghiên cứu và các giới khác phần lớn là nằm trong các mối quan hệ giữa các nhóm này với nhau. Quan hệ đó đồng hay nhất, kết chặt hay lỏng số có ý nghĩa về nhân lý lẽ hay nhiều. Khi về nhân xã hội đồng của đồng, tự thân về nhân lý lẽ gia tăng. Số có một sự gần gũi các kinh tế và cảm nhận thông qua bề mặt kinh tế, minh bạch hóa và tinh lọc bề mặt thị trường. Nghề nghiệp từ thực tế chân thực, luật quốc tế khoa học và tinh thần vì con người số còn đó sau khi gạt bỏ các yếu tố giả tạo, gán ghép hoặc im lặng do thực hay e ngại. Thái độ tích cực đến của thực dân các vùng biển như Lý Sơn khi trao cho nhà nước các châu bản, sự phong... nằm trong các yếu tố này.

Có thể ví dụ cho sự cảm nhận của sự khốc khổ và nghề nghiệp hình như cây mọc trên đất của nhân- thực nghiệp có sự cảm nhận, con nhà nghèo quý trọng lao động và giá trị tinh thần, con dân

một đất nước có nhiều khó khăn số số họ và đảng viên xã hội để bị t h n nh ng cây, nh ng con ng i có nhiều thu n l i h n. Số đảng viên xã hội khéo ph i k đ n Nam Hàn sau kh ng ho ng kinh t 1997, lúc c đ t n c b t ra s c m nh xã h i và đ ng d y t y u kém c a n n kinh t s p vào bong bóng hào nhoáng tr c đó. V n đ l n t i đây n m ng i s đ ng ngu n l c chung, không ch v n xã h i BĐHSTS.

3- Số kết nối của vấn xã hội Biển Đông

a- Trong đi u ki n hi n t i 2013, khi các lu ng và ph ng ti n thông tin ngày càng m nh m , t o đi u ki n cho các bên liên k t cùng làm vi c, vi c tăng gi m v n xã h i n m s liên k t,s hi n th c hóa v n thành ngu n l c c a các bên nêu trên. V n xã h i VN nh tinh th n ch ngã em nâng, lao đ ng c n cù, đ u tranh b t khu t - th a h ng t cha ông- có c ng thêm vào v n xã h i (ý th c, ki n th c, ý chí và c m th c VN v BĐHSTS) hay không s tùy thu c vào đ liên k t, s tin c n [3] và s h p tác đ có s n ph m c th c a các bên s h u v n này.

Nguy c c t v n xã h i v v n đ quan tr ng c a đ t n c nh BĐHSTS là có hay không? Có nh ng ng i dùng v n này mà ch a đ quý tr ng và làm giàu thêm v n hay không?

Tr l i nh ng câu h i này, các nhà s h u và h ng th v n c n hi u rõ r ng các thông tin, c m nh n v m t m i nguy xâm lăng đ có quy t đ nh liên k t và h p tác v i nhau. Nh ng ngu n l c đó ph i đ c chia s và ch t chiu không ch nh m m t vi c đ a v vi c ra Tòa án Qu c T mà thôi mà có th còn ph i chu n b hành trang cho nh ng chuy n đi khác có th đ y gian kh và b t tr c.

b- Gi i ch c có trách nhi m không th không tìm ki m các ngu n kh o c u v BĐHSTS t nhi u n i đ t p h p, gi i mã, minh b ch, ph bi n và kêu g i s quan tâm (v n xã h i) và ra s c nghi n c u thành tác ph m c th (ngu n l c xã h i). Đ v n thành s n ph m và quay vòng tr l i và l n v n h n hay c t v n, n m trong trách nhi m c a t t c nh ng ng i đang quan tâm đ n BĐHSTS.

c- Số ki m h m v n, dùng v n thi u hi u qu ho c phá v n có th đi n ra i nhi u phía, không ch i quân đ ch. Số nghi binh kém và c vi c không th ch p nh n là trá hàng v i đ ch s phá v n n t ng c a ngu n v n xã h i i các c ng đ ng Vi t Nam và c ng đ ng quý m n Vi t Nam. Nh ng nhà chi n l c c a đ t n c s ph i hi u rõ đi u này.

Những nhà tuyên truyền thiêu chính xác có thể sẽ làm giảm nhu cầu tái cấu trúc những người con Việt Nam, những quân đội đang nắm võ khí và tuyên truyền của những học giả đang ngày đêm làm việc để gia tăng văn hóa đội ngũ này. Và những vị này chỉ nên làm cho hao hụt văn sao? Nói theo binh pháp, sự nghi binh này đã bị kẻ địch thông minh kẻ thù kẻ mà phá nát cấu trúc những người và quốc gia!

Còn nói theo Robert Putnam, thì đây “Sự suy giảm văn hóa làm yếu đi các liên lạc và tính lành mạnh và hạnh phúc của cộng đồng nói chung”[4]

Không thể ngăn nỗi lo lắng những tập thể có công bố và thối nát và những dân-những người sẽ xé thân vì những- có thể sẽ ngã lòng hoặc mất tin tưởng hoàn toàn vì những tín hiệu khác biệt từ các nhà sự học và sự đổi mới xã hội của họ!

4- Những kết luận

Quan trọng nhất trong văn hóa Việt Nam ĐHST là niềm tin vào chính nghĩa của Việt Nam trong văn hóa ĐHST, niềm xác tín bắt đầu vào thành quả xây dựng và báo cáo báo cáo đội ngũ. Niềm tin, tình nghĩa mà cộng đồng dành cho người dân, cho những anh hùng đã hy sinh vì Hoàng Sa, Trường Sa và tinh thần dân tộc can đảm nghìn năm chúng ta giữ gìn. Đó là văn hóa quý báu nhất của Việt Nam hôm nay.

Việc liên kết các bên sự học và văn hóa Việt Nam ĐHST là rất cần thiết để chia sẻ kiến thức, thông tin và cảm xúc- của các bên với nhau để kết quả tinh thần chung và phát huy sáng kiến mới, và hành động của thể để có tác phẩm, bài nghiên cứu và những đóng góp khác.. Dù rằng có thể thay tính chất thiên về cảm nhận tri, uy tín hơn khi các nhà học hành hình thức mà những văn hóa này, việc tạo ra một thể chế để thúc đẩy gia tăng văn là cần làm.

Những nhóm, thể chế có hiệu quả nhất về ĐHST sẽ là bên làm gia tăng văn hóa đội ngũ này. Liên kết, trao đổi và hành động có ý thức để văn hóa đó sinh sôi nảy nở. Nói rằng học và những văn hóa xã hội mà văn hóa Việt Nam ĐHST là một thành phần, cộng đồng cần phải nắm vững và vượt qua cuộc chiến, để khoan dung, cần tinh thần mà những dành cho người bị thiệt, nhóm yếu thế (dân tộc thiểu số). Cộng đồng cũng cần phải nắm vững chia sẻ niềm vui buồn nỗi nhân chất để màu da cam, của tri u

bà mẹ một con, cha Huỳnh Minh Thân, cha thụy nhân nhân một tích, cha nghèo khó do chính sách kinh tế mới và biến đổi chia sẻ niềm vui của thành công của công đồng người Việt ở nước ngoài, chia sẻ những thành tựu của người trong nước. Thiệt như những phi vụ thị trường đổi mới xã hội này, thì bất cứ lý lẽ nào, văn bản nào kể cả những pháp cũng khó mà chuyên chở được tình của dân tộc, làm giàu văn hóa, làm nên cho hòa bình và phát triển của đất nước trong danh dự.

Vì văn hóa BĐHSTS là một nguồn văn tinh thần, vô hình, phi vụ thị trường, nên luôn cần những nguồn lực xã hội để giúp sự hành động, trong đó có việc mang đến cho người văn này một khung pháp lý những tinh thần yêu nước luôn cần những góp sức hiện thực để có thể chuyển hóa việc gì quy định văn hóa đất nước, của công đồng.

Tham khảo

- Trần Hữu Dũng, Tạp Chí Thời Đại Mới, http://www.tapchithoidai.org/TD8_THDung.pdf
- Tạp Chí Tia Sáng, www.tiasang.com.vn
- Trần Kiên Đoàn, trang web Trần Kiên Đoàn, <http://www.trankiemdoan.net/butluan/khoa-hoc-chinhtri/vonxahoi.html>
- Huỳnh Phan, Các bài phỏng vấn trên Vietnamnet,

<http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/tuanvietnam/97678/nguyen-cuu-bien-dong-khong-nhu-mong-do-i--tai-ai-.html>

<http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/tuanvietnam/97187/nguyen-cuu-bien-dong---dong-cua-doc-cho-nhau-nghe-.html>

<http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2012-08-16-thieu-nhac-truong-trong-nghien-cuu-chu-quyen-bi-en-dong> °

[1] Trong mñt hñi thñ o do Quñ Tiñ n Tñ Quñ c Tñ (IMF) tñ chñ c ñm 1999, Francis Fukuyama đ ã khñ ng đñ nh "x ãy dñ ng vñn x ã hñ i l ã nhiñ m vñ cñ a cñ i c á ch kinh tñ (ñ c á c ñññ c kñ hoñ ch tñ p trung cũ) thñ hñ thñ hai (second generation economic reforms)

[2] <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&News=6038&CategoryID=42>

[3] Fukuyama: "Chñ t lññ ng đñ i sñ ng, cũng nhñ khñ ññng cñ nh tranh cñ a mñt quñ c gia, tuñ thuñ c vào mñt đñ c tñnh vñn hñ hóa đñ c đño lan tñ a trong quñ c gia ñ y, đñ là mñ c đñ tin cñ n trong xã hñ i" http://www.viet-studies.info/THDung_VonXaHoi_PhạtTrienKinhTe.htm

[4] http://www.tapchithoidai.org/TD8_THDung.pdf

